

ÔN TẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

BÀI MỞ ĐẦU NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1. Công hiến vĩ đại của C.Mác mà nhờ đó chủ nghĩa xã hội từ không tưởng trở thành khoa học là:

- a. Lên án mạnh mẽ chủ nghĩa tư bản, bóc lột giai cấp công nhân làm thuê.
- b. Phản ánh đúng khát vọng của nhân dân lao động bị áp bức.
- c. **Phát hiện ra giai cấp công nhân là lực lượng xã hội có thể thủ tiêu CNTB, xây dựng CNXH.**
- d. Chỉ ra sự cần thiết phải thay thế chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội.

2. Những phát kiến mà C.Mác và Ph.Ăngghen đã dựa vào để xây dựng luận chứng về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là:

- a. CNXH không tưởng phê phán
- b. **Chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết giá trị thặng dư**
- c. Triết học cổ điển Đức và kinh tế chính trị học cổ điển Anh
- d. Cả a, b và c

3. Tác phẩm đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học là:

- a. Tình cảnh giai cấp công nhân Anh
- b. **Tuyên ngôn Đảng cộng sản**
- c. Chủ nghĩa cộng sản
- d. Chống Duyrinh

4. Chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời từ điều kiện kinh tế - xã hội:

- a. Sự ra đời chính đảng của giai cấp công nhân
- b. **Sự phát triển mạnh của phương thức sản xuất tư bản và sự lớn mạnh của giai cấp công nhân**
- c. Sự ủng hộ của giai cấp công nhân và tầng lớp trí thức đối với giai cấp công nhân
- d. Giai cấp công nhân đã thực sự giác ngộ sứ mệnh lịch sử của mình

5. Các bộ phận lý luận cơ bản cấu thành Chủ nghĩa Mác – Lênin là:

- a. **Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học.**
- b. Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Tư tưởng triết học và lịch sử nhân loại
- c. Triết học, Kinh tế học và xã hội học
- d. Tư tưởng văn hóa phục hưng Pháp; Triết học cổ điển Đức, Kinh tế chính trị cổ điển Anh.

6. Các tiền đề lý luận hình thành Chủ nghĩa Mác là:

- a. Triết học cổ điển Đức; Văn hóa phục hưng Pháp và Kinh tế chính trị cổ điển Anh.
- b. Triết học cổ đại; Kinh tế chính trị Anh và Chủ nghĩa xã hội không tưởng
- c. **Triết học cổ điển Đức, Kinh tế chính trị cổ điển Anh và Chủ nghĩa xã hội không tưởng.**
- d. Tư tưởng nhân loại, Triết học cổ điển Đức và Kinh tế chính trị cổ điển Anh, Chủ nghĩa xã hội khoa học.

7. Ba phát minh vạch thời đại trong vật lý học và sinh học tạo ra bước phát triển đột phá có tính cách mạng:

- a. **Học thuyết Tiến hoá, Định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng, Học thuyết tế bào.**
- b. Học thuyết Tiến hoá, Học thuyết tế bào, Định luật vạn vật hấp dẫn.
- c. Học thuyết tế bào, Định luật vạn vật hấp dẫn, Thuyết chọn lọc tự nhiên.
- d. Định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng, Định luật vạn vật hấp dẫn, Học thuyết tế bào.

8. Ba phát kiến vĩ đại của C. Mác và Ăngghen là:

- a. Chủ nghĩa duy vật lịch sử, Học thuyết về giá trị thặng dư, Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

b. Chủ nghĩa duy vật lịch sử, Học thuyết về giá trị thặng dư, Học thuyết về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân.

c. Chủ nghĩa duy vật lịch sử, Học thuyết về giá trị, Học thuyết về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân.

d. Học thuyết về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân, Học thuyết về giá trị thặng dư, Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

9. Phương pháp nghiên cứu chung của Chủ nghĩa xã hội khoa học:

a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác- Lênin.

b. Phương pháp chung và phương pháp cụ thể.

c. Phương pháp kết hợp logic với lịch sử, Phương pháp khảo sát và phân tích, Phương pháp so sánh, Phương pháp có tính liên ngành, Phương pháp tổng kết thực tiễn.

d. Cả A, B và C.

10. Phương pháp nghiên cứu cụ thể của Chủ nghĩa xã hội khoa học:

a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác- Lênin.

b. Phương pháp chung và phương pháp cụ thể.

c. Phương pháp kết hợp logic với lịch sử, Phương pháp khảo sát và phân tích, Phương pháp so sánh, Phương pháp có tính liên ngành, Phương pháp tổng kết thực tiễn...

d. Cả A, B và C.

11. Trên lĩnh vực xã hội, hoạt động nào là cơ sở chủ yếu nhất cho sự ra đời của CNXHKKH là:

a. Sự phát triển mạnh mẽ của chủ nghĩa tư bản

b. Sự phát triển của các ngành khoa học xã hội

c. Thực tiễn cách mạng của giai cấp công nhân

d. Bao gồm ba hoạt động trên

12. Ăngghen đã đánh giá: “Hai phát hiện vĩ đại này đã đưa chủ nghĩa xã hội trở thành một khoa học”. Hai phát kiến đó là:

a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử

b. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và học thuyết giá trị thặng dư

c. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và chủ nghĩa duy vật lịch sử

d. Học thuyết giá trị thặng dư và chủ nghĩa duy vật lịch sử

13. Luận điểm của Lênin về khả năng thắng lợi của CNXHKKH bắt đầu ở một số nước, thậm chí ở một nước riêng rẽ được rút ra từ sự phân tích quy luật:

a. Quy luật về kinh tế thị trường XHCN.

b. Quy luật về sự phát triển không đồng đều của các nước tư bản chủ nghĩa.

c. Quy luật về cạnh tranh quốc tế

d. Cả ba đáp án trên

14. Lần đầu tiên sự kiện xã hội đã chứng minh tính hiện thực của CNXHKKH trong lịch sử:

a. Cuộc cách mạng tháng Mười Nga 1917

b. Công xã Pari

c. Cách mạng tháng tám 1945 ở Việt Nam.

d. Chiến tranh thế giới lần thứ II.

15. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa là:

a. Là hệ thống những quan niệm phản ánh nhu cầu, ước mơ của các giai cấp và tầng lớp lao động về một xã hội tốt đẹp

b. Là những thành tựu trên các lĩnh vực mà loài người đã đạt được nhằm nâng cao đời sống con người

c. Là những tác phẩm văn học phản ánh đời sống hiện thực của những người lao động nghèo

d. Các phương án trên đều đúng

16. Các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước Mác có hạn chế cơ bản là:

- a. Không chủ trương xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất
- b. Không chủ trương xóa bỏ chế độ người bóc lột người
- c. Không phát hiện được lực lượng xã hội để sáng tạo ra xã hội mới
- d. Mong muốn thực hiện chế độ bình quân trong phân phối

17. Người mở đầu các trào lưu xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa cộng sản thời cận đại là:

- a. Tômândô Campanenla
- b. Tômát Moro
- c. Aritxtot
- d. Platon

18. Hình thức đầu tiên của đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân khi chưa giành được chính quyền?

- a. Đấu tranh chính trị
- b. Đấu tranh vũ trang
- c. Đấu tranh kinh tế
- d. Đấu tranh tư tưởng

19. Trong học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin đã làm sáng tỏ vai trò lịch sử toàn thế giới của giai cấp:

- a. Giai cấp tư sản
- b. Giai cấp công nhân
- c. Giai cấp nông dân
- d. Tầng lớp trí thức

20. Chọn câu trả lời đúng. Tình hình thế giới đầu thế kỷ XX là:

- a. Chủ nghĩa tư bản chuyển thành chủ nghĩa đế quốc
- b. Chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn tự do cạnh tranh
- c. Chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn tích lũy tư bản nguyên thủy
- d. Chủ nghĩa cộng sản ra đời

BÀI 2: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

1. Xét trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân có vị trí:

- a. Là giai cấp nghèo khổ nhất, không có tài sản.
- b. Là giai cấp không có tư liệu sản xuất, làm thuê cho các nhà tư bản, bị tư bản bóc lột giá trị thặng dư.
- c. Là giai cấp có số lượng đông trong dân cư, luôn đi đầu trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản.
- d. Cả ba đều đúng.

2. Theo chủ nghĩa Mác – Lênin, động lực chủ yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa là:

- a. Tầng lớp trí thức
- b. Giai cấp công nhân
- c. Giai cấp nông dân
- d. Giai cấp công nhân liên minh giai cấp nông dân

3. Giai cấp công nhân là:

- a. Tập đoàn xã hội ổn định; Hình thành và phát triển cùng với nền công nghiệp.; Là lực lượng sản xuất cơ bản, tiên tiến, với tính xã hội hóa ngày càng cao.
- b. Tập đoàn xã hội ổn định; Hình thành và phát triển cùng với nền sản xuất; Là lực lượng sản xuất hiện đại, chủ yếu; Với tính kỷ luật ngày càng cao.
- c. Là tập đoàn xã hội ổn định; Hình thành và phát triển cùng với người lao động; Là lực lượng sản xuất quyết định, với tính tự giác ngày càng cao.

d. Là tập đoàn xã hội ổn định; Hình thành và phát triển cùng với trình độ kỹ thuật; Là lực lượng sản xuất hiện đại, với tính cách mạng ngày càng cao.

4. Giai cấp công nhân là người lao động gắn với nền sản xuất:

a. Nông nghiệp

b. Thủ công nghiệp

c. Nền công nghiệp hiện đại

d. Đại nông nghiệp

5. Điền từ còn thiếu: “Các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, còn.....lại là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp”.

a. Giai cấp địa chủ

b. Giai cấp vô sản

c. Giai cấp tư sản

d. Giai cấp tiểu tư sản

6. Điều kiện khách quan quyết định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là:

A. Đông về số lượng.

B. Tạo ra của cải làm giàu cho xã hội.

C. Gắn liền với lực lượng sản xuất tiên tiến.

D. Bị bóc lột nặng nề nhất

7. Giai cấp công nhân là giai cấp triệt để cách mạng bởi vì:

A. Là giai cấp nghèo nhất trong xã hội tư bản.

B. Là giai cấp không có tài sản, đời sống bấp bênh.

C. Là giai cấp không có tư liệu sản xuất, bị bóc lột, giác ngộ, tiên phong cách mạng.

D. Cả ba đều đúng.

8. Những đặc điểm chính trị-xã hội của giai cấp công nhân là :

A. Tiên phong, triệt để cách mạng nhất ; Ý thức tổ chức, kỷ luật cao ; Mang bản chất quốc tế

B. Tiên phong, triệt để cách mạng nhất ; Bị bóc lột giá trị thặng dư ; Đoàn kết nội bộ

C. Tiên phong, triệt để cách mạng nhất; Không có tư liệu sản xuất ; Làm thuê kiếm sống

D. Tiên phong, triệt để cách mạng nhất ; Gắn với nền đại công nghiệp ; Ý thức tổ chức, kỷ luật cao.

9. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp:

A. Chủ nghĩa Mác – Lênin với chủ nghĩa yêu nước.

B. Chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân với chủ nghĩa dân tộc.

C. Chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

D. Chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân.

10. Chủ nghĩa Mác- Lênin là lý luận phản ánh và bảo vệ lợi ích cho giai cấp:

a. Giai cấp địa chủ

b. Giai cấp tư sản

c. Giai cấp công nhân

d. Giai cấp chủ nô

11. Cách mạng xã hội chủ nghĩa là nhằm :

A. Thay thế chế độ TBCN bóc lột, bất công bằng chế độ XHCN dân chủ, công bằng, văn minh, do đội ngũ trí thức lãnh đạo.

B. Thay thế chế độ TBCN lỗi thời, bằng chế độ XHCN, do giai cấp công nhân lãnh đạo, xây dựng xã hội mới, dân chủ, công bằng, văn minh.

C. Thay thế chế độ TBCN lạc hậu, bằng chế độ XHCN, do giai cấp công- nông lãnh đạo; Xây dựng xã hội mới không còn người bóc lột người.

D. Thay thế chế độ TBCN quân chủ, bằng chế độ XHCN dân chủ, do giai cấp tư sản tiến bộ lãnh đạo; xây dựng xã hội mới hiện đại, văn minh.

12. Nguyên nhân sâu xa của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là do :

- A. Sự lớn mạnh của giai cấp công nhân.
- B. Sự hình thành và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản.
- C. Sự phát triển của lực lượng sản xuất, mâu thuẫn gay gắt với quan hệ sản xuất**
- D. Giai cấp tư sản đã lỗi thời về phương diện lịch sử.

13. Mục tiêu cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa là:

- A. Không còn giai cấp và đấu tranh giai cấp.
- B. Không còn khoảng cách giàu nghèo.
- C. Nhân dân lao động làm chủ tư liệu sản xuất chủ yếu.

D. Giải phóng xã hội, giải phóng con người

14. Động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa là:

- A. Giai cấp công nhân và giai cấp nông dân**
- B. Giai cấp công nhân mỗi nước và giai cấp công nhân quốc tế
- C. Giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân khác
- D. toàn thể dân tộc bị áp bức, bóc lột

15. Giai cấp công nhân để giải phóng mình và giải phóng nhân dân lao động thông qua con đường:

- a. Biểu tình
- b. Đấu tranh nghị viện
- c. Cách mạng xã hội chủ nghĩa**
- d. Bãi công

16. Giai cấp nào không có hệ tư tưởng độc lập là:

- a. Giai cấp tư sản
- b. Giai cấp địa chủ
- c. Giai cấp công nhân
- d. Giai cấp nông dân**

17. Giai cấp lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa là:

- a. Giai cấp chủ nô
- b. Giai cấp tư sản
- c. Giai cấp nông dân
- d. Giai cấp công nhân**

18. Mục tiêu trước tiên của cách mạng xã hội chủ nghĩa là:

- A. Đập tan nhà nước của giai cấp bóc lột, giành chính quyền, xây dựng chế độ mới**
- B. Xóa bỏ chế độ phong kiến; giành ruộng đất, xây dựng CNXH
- C. Giữ chính quyền; chống đế quốc; xây dựng CNXH
- D. Khởi nghĩa giành độc lập dân tộc....; Tăng năng suất lao động.

19. Cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng toàn diện, sâu sắc và triệt để nhất trong lịch sử:

- a. Vì nó do giai cấp công nhân lãnh đạo
- b. Vì nó thủ tiêu chủ nghĩa tư bản
- c. Vì nó lôi kéo được đông đảo nhân dân tham gia
- d. Vì nó xoả bỏ chế độ tư hữu, thủ tiêu chế độ người bóc lột người**

20. Nội dung cách mạng xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực kinh tế thể hiện:

- A. Thực hiện phân phối theo lao động, hiện đại hóa đất nước.
- B. Không ngừng nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống nhân dân.**
- C. Đập tan nhà nước của giai cấp bóc lột; xây dựng CNXH.
- D. Xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế thị trường

21. Giai cấp lãnh đạo Cách mạng tư sản là:

- a. Giai cấp chủ nô
- b. Giai cấp tư sản**

- c. Giai cấp nông dân
- d. Giai cấp công nhân

22. Nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa bao gồm các lĩnh vực :

- A . Chính quyền ; dân chủ ; xã hội
- B . Kinh tế ; quốc phòng, an ninh ; đối ngoại
- C . Chính trị ; kinh tế ; tư tưởng- văn hóa**
- D . Chính trị ; tinh thần ; đạo đức

23. Sự thay thế xã hội tư bản chủ nghĩa bằng xã hội xã hội chủ nghĩa trong tiến trình lịch sử là một tất yếu vì:

- a. Chủ nghĩa tư bản đã lỗi thời
- b. Chủ nghĩa tư bản cản trở sự phát triển của nhân loại
- c. Theo quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất**
- d. Sự lớn mạnh của giai cấp công nhân

24. Nguyên tắc cơ bản của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng XHCN là phải đảm bảo :

- A . Vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản ; Đoàn kết ; công nhân làm nòng cốt
- B . Vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân ; Lý luận Mac-Lenin ; cùng có lợi
- C . Vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân ; Ý thức cách mạng ; thực tiễn cách mạng
- D . Vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân; Tự nguyện; Kết hợp đúng đắn các lợi ích**

25. Khi nói “Quá độ lên Chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa” là:

- A. Bỏ qua các yếu tố phát triển lực lượng sản xuất gắn với chủ nghĩa tư bản
- B. Bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa.**
- C. Bỏ qua các yếu tố chính trị và văn hóa gắn với sự tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản

D. Cả ba phương án trên đều đúng

26. Giai cấp công nhân Việt Nam sớm trở thành lực lượng chính trị độc lập và giữ vai trò lãnh đạo mạng Việt Nam:

- a. Vì sớm có mối quan hệ gắn bó với giai cấp nông dân
- b. Vì được kế thừa truyền thống bất khuất của dân tộc
- c. Số lượng đông và luôn đi đầu trong các cuộc đấu tranh
- d. Vì sớm hình thành một chính Đảng thực sự cách mạng**

27. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân được qui định bởi:

- a. Địa vị kinh tế - xã hội**
- b. Đảng cộng sản
- c. Đặc điểm nhân cách
- d. Yếu tố chủ quan

28. Yếu tố quyết định sự liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức là:

- A. Do cùng sống trong một quốc gia dân tộc.
- B. Do có những lợi ích cơ bản thống nhất với nhau.**
- C. Do có chung nền văn hóa, tâm lý.
- D. Do sự mong muốn của giai cấp công nhân.

29. Xét ở góc độ chính trị - xã hội, đặc điểm nổi bật của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là:

- A. Không còn giai cấp, đấu tranh giai cấp.
- B. Không còn nhiều hình thức sở hữu, không còn bóc lột.
- C. Sự tồn tại đan xen và đấu tranh trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội giữa nhân tố xã hội mới và tàn tích xã hội cũ.**

D. Cả 3 phương án trên đều đúng.

30. Cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới giành được thắng lợi là cuộc cách mạng:

- a. Công xã Pari 1871
- b. Cách mạng tháng Hai Nga năm 1917
- c. Cách mạng Tân Hợi 1911
- d. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917

31. Giai cấp công nhân Việt Nam sớm trở thành lực lượng chính trị độc lập và giữ vai trò lãnh đạo Cách mạng Việt Nam là vì :

- A. Sớm có mối quan hệ gắn bó với nông dân.
- B. Được kế thừa truyền thống bất khuất của dân tộc.
- C. Có số lượng đông và luôn đi đầu trong cuộc đấu tranh.
- D. Sớm hình thành một chính đảng thực sự cách mạng.

32. Ở các nước tư bản, giai cấp công nhân có đặc điểm:

- a. Về cơ bản không có tư liệu sản xuất, phải làm thuê cho giai cấp tư sản và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư
- b. Về cơ bản có tư liệu sản xuất
- c. Làm thuê cho giai cấp tư sản
- d. Các phương án trên đều sai

33. Đảng ta khẳng định con đường phát triển của Cách mạng Việt Nam là quá độ lên chủ nghĩa xã hội không trải qua chế độ tư bản chủ nghĩa, đó là:

- A. Vì chúng ta đã có được những cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội.
- B. Vì nó phù hợp với đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- C. Vì nó phù hợp với đặc điểm của đất nước và xu thế phát triển của thời đại.
- D. Cả ba đều đúng.

34. Phạm trù được coi là cơ bản nhất, là xuất phát điểm của chủ nghĩa xã hội khoa học:

- a. Giai cấp công nhân
- b. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
- c. Chuyên chính vô sản
- d. Xã hội chủ nghĩa

35. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là:

- a. Lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh xóa bỏ áp bức, bóc lột, xây dựng xã hội mới – xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa
- b. Tập hợp các tầng lớp nhân dân lao động, tiến hành đấu tranh cách mạng
- c. Đoàn kết với các giai cấp, tầng lớp lao động khác trong cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản để giải phóng mình
- d. Cả ba đáp án trên

36. Sự thay đổi căn bản, toàn diện và triệt để một hình thái kinh tế - xã hội bằng một hình thái kinh tế - xã hội khác được gọi là:

- a. Đột biến cách mạng
- b. Cách mạng xã hội
- c. Cải cách xã hội
- d. Tiến bộ xã hội

37. Phát minh của Mác và Ăngghen được coi là cơ sở lý luận trực tiếp hình thành nên bộ phận thứ ba trong học thuyết của Mác là:

- a. Chủ nghĩa duy vật lịch sử
- b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- c. Học thuyết giá trị thặng dư
- d. Sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân

38. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp:

- a. Chủ nghĩa Mác – Lênin với chủ nghĩa yêu nước.
- b. Chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân với chủ nghĩa dân tộc.
- c. Chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.
- d. Chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân.

39. Cách mạng xã hội chủ nghĩa là nhằm:

- a. Thay thế chế độ TBCN bóc lột, bất công bằng chế độ XHCN dân chủ, công bằng, văn minh, do đội ngũ trí thức lãnh đạo.
- b. Thay thế chế độ TBCN lỗi thời, bằng chế độ XHCN, do giai cấp công nhân lãnh đạo, xây dựng xã hội mới, dân chủ, công bằng, văn minh.
- c. Thay thế chế độ TBCN lạc hậu, bằng chế độ XHCN, do giai cấp công- nông lãnh đạo; Xây dựng xã hội mới không còn người bóc lột người.
- d. Thay thế chế độ TBCN quân chủ, bằng chế độ XHCN dân chủ, do giai cấp tư sản tiến bộ lãnh đạo; xây dựng xã hội mới hiện đại, văn minh.

40. Bản chất giai cấp công nhân của Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện ở:

- a. Số lượng đảng viên trong Đảng.
- b. Trình độ đảng viên trong Đảng.
- c. Nền tảng lý luận, mục tiêu, đường lối, nguyên tắc tổ chức của Đảng.
- d. Cả a, b, c đều đúng.

41. Nói đến chất lượng giai cấp công nhân là nói đến:

- a. Trình độ khoa học công nghệ.
- b. Trình độ giác ngộ lý luận chính trị
- c. Trình độ chuyên môn kỹ thuật và kỷ luật lao động.
- d. Cả a, b, c đều đúng.

42. Mô hình đầu tiên của chuyên chính vô sản là:

- a. Công xã Pari
- b. Nhà nước XôViết
- c. Nhà nước dân chủ nhân dân
- d. Nhà nước XHCN

43. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống. Đảng cộng sản là .. chiến đấu, là bộ tham mưu của giai cấp công nhân, là biểu hiện tập trung phẩm chất, nguyện vọng, trí tuệ của giai cấp công nhân và của dân tộc.

- a. Đội tiên phong
- b. Lực lượng
- c. Cơ sở
- d. Cơ quan chỉ huy

44. Đặc điểm ra đời của giai cấp công nhân Việt Nam:

- a. Ra đời trước giai cấp tư sản dân tộc trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp.
- b. Phần lớn xuất thân từ nông dân.
- c. Chịu sự áp bức, bóc lột của đế quốc, phong kiến và tư sản.
- d. Các phương án trên đều đúng.

45. Tính tất yếu của cách mạng XHCN trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa là:

- a. Xuất phát từ cuộc đấu tranh giai cấp trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa trong thời đại ngày nay
- b. Xuất phát từ sự đòi hỏi thay đổi phương thức sản xuất tinh thần
- c. Xuất phát từ yêu cầu: Văn hóa là mục tiêu và động lực của quá trình xây dựng CNXH
- d. Cả a, b và c

9

- b. Trong xã hội không còn sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay. Con người có điều kiện phát triển tự do và hoàn thiện.
- c. Nhà nước tự tiêu vong, xã hội không còn giai cấp.

d. Cả a,b và c.

9. Chủ nghĩa xã hội khoa học Mác – Lênin :

- a. Là một học thuyết vạch ra được con đường giải phóng triệt để cho nhân loại cần lao, giải phóng triệt để con người
- b. Xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa lý tưởng
- c. Đặt mục tiêu giải phóng triệt để giai cấp vô sản, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới

d. Các phương án trên đều đúng

10. Điều kiện ra đời của Chủ nghĩa xã hội:

- a. LLSX mâu thuẫn với QHSX trong lòng CNTB
- b. GCCN mâu thuẫn với GCTS
- c. GCCN giành chính quyền, thiết lập chuyên chính vô sản.

d. Cả a,b và c.

11. Chủ nghĩa xã hội với tư cách là một chế độ xã hội ra đời trên thực tế từ :

- a. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam
- b. Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917**
- c. Cách mạng Tân Hợi năm 1911 ở Trung Quốc
- d. Cách mạng tư sản Pháp

12. Con đường cách mạng Việt Nam là quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN là một tất yếu, vì:

- a. ĐCSVN đã có đường lối đúng đắn
- b. Do sự phát triển của lực lượng sản xuất
- c. Vì nó phù hợp với đặc điểm của đất nước và xu thế phát triển của thời đại**
- d. Vì nó đáp ứng được nguyện vọng và mong ước của nhân dân ta

13. Nguyên nhân nào dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu:

- a. Quan niệm và vận dụng không đúng đắn về chủ nghĩa xã hội
- b. Những sai lầm của Đảng và của những người lãnh đạo cấp cao nhất Đảng cộng sản Liên Xô
- c. Sự chống phá của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch bằng “diễn biến hòa bình”
- d. Các phương án trên đều đúng**

14. Đặc điểm lớn nhất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là:

- a. Nhiều thành phần xã hội đan xen tồn tại
- b. Lực lượng sản xuất chưa phát triển
- c. Năng xuất lao động thấp
- d. Từ một nền sản xuất nhỏ là quá độ lên CNXH không qua chế độ tư bản chủ nghĩa.**

15. Lênin chia phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa thành các giai đoạn:

- a. Hai giai đoạn chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản
- b. Ba giai đoạn: Thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội và giai đoạn cao của hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa**
- c. Bốn giai đoạn: Thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội phát triển cao và cộng sản chủ nghĩa
- d. Tất cả các câu đều sai

16. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là bước quá độ :

- a. Quá độ trực tiếp, từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.
- b. Quá độ gián tiếp, bỏ qua chế độ chủ nghĩa tư bản tiến lên chủ nghĩa xã hội**
- c. Quá độ gián tiếp, bỏ qua chế độ phong kiến tiến lên chủ nghĩa xã hội

d. Quá độ có qua trung gian

17. Hai kiểu quá độ đi lên Chủ nghĩa xã hội là:

a. Quá độ trực tiếp từ xã hội TBCN lên CNXH và quá độ gián tiếp từ Phong kiến lên CNXH.

b. Quá độ trực tiếp từ xã hội TBCN lên CNXH và quá độ gián tiếp từ xã hội tiền TBCN lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN.

c. Quá độ trực tiếp từ xã hội TBCN lên CNXH và quá độ gián tiếp từ Phong kiến lên CNTB, rồi lên CNXH.

d. Cả a,b và c.

18. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, mâu thuẫn về lợi ích giữa những người lao động làm thuê với tầng lớp tư sản là :

a. Mâu thuẫn đối kháng

b. Mâu thuẫn không đối kháng

c. Mâu thuẫn không cơ bản

d. Mâu thuẫn thứ yếu

19. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ?

a. Bắt đầu từ khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động giành được chính quyền nhà nước cho đến khi chủ nghĩa xã hội đã tạo ra được những cơ sở của mình trong các lĩnh vực của đời sống xã hội

b. Bắt đầu từ cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới

c. Bắt đầu từ đấu tranh giai cấp

d. Bắt đầu từ sản xuất hàng hóa

20. Phân phối theo lao động là hình thức phân phối cơ bản của xã hội:

a. Xã hội tư bản chủ nghĩa

b. Xã hội xã hội chủ nghĩa

c. Xã hội cộng sản chủ nghĩa

d. Các phương án trên đều sai

21. Tác phẩm được xem là đánh dấu cho sự chín muồi của tư tưởng xã hội chủ nghĩa của C. Mác và Ăng-ghe-n:

a. Gia đình thần thánh (1845)

b. Hệ tư tưởng Đức (1845)

c. Tuyên ngôn của Đảng cộng sản (1848)

d. Không có phương án nào đúng

22. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa cần phải kế thừa các yếu tố của chủ nghĩa tư bản:

a. Những thành tựu khoa học – công nghệ.

b. Khoa học quản lý...buôn bán, hạch toán kinh tế, kinh doanh của chủ nghĩa tư bản

c. Thị trường, vốn...

d. Các phương án trên đều đúng

23. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là tất yếu đối với:

a. Các nước bỏ qua chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội

b. Các nước tư bản chủ nghĩa kém phát triển lên chủ nghĩa xã hội

c. Tất cả các nước đi lên chủ nghĩa xã hội

d. Các phương án trên đều sai

24. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân có đặc trưng chủ yếu nhất bằng thuộc tính là:

a. Là những người lao động trực tiếp hoặc gián tiếp vận hành các công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại và xã hội hóa cao

b. Là những người không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất

c. Là những người bị bóc lột giá trị thặng dư

d. Là những người có sức khỏe tốt nhất

25. Thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là:

- a. Là cuộc cải biến cách mạng về kinh tế
- b. Là cuộc cải biến cách mạng về chính trị
- c. Là cuộc cải biến cách mạng về tư tưởng và văn hóa

d. Các phương án trên đều đúng

26. Chọn đáp án sai, xác lập chuyên chính vô sản trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:

- a. Để trấn áp bằng bạo lực mưu toan phục hồi chính quyền tư sản của các giai cấp bóc lột.
- b. Để thực hiện sự lãnh đạo chính trị đối với các giai cấp và tầng lớp trung gian không thể tự mình tiến lên chủ nghĩa xã hội được.
- c. Để tổ chức xây dựng những quan hệ kinh tế, xã hội mang tính xã hội chủ nghĩa. Những quan hệ này không tự phát ra đời trong lòng chủ nghĩa tư bản.

d. Để thủ tiêu hoàn toàn các tập quán và tàn tích của chủ nghĩa tư bản.

27. Điền từ còn thiếu vào câu: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người.....”

- a. Chủ nghĩa cộng sản
- b. Chủ nghĩa xã hội
- c. Xã hội chủ nghĩa**
- d. Chủ nghĩa xã hội khoa học

28. Dự báo thuộc về giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa:

- a. Đến giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa loài người vẫn chưa thể hoàn toàn thoát khỏi những tàn tích của cộng sản chủ nghĩa
- b. Dân tộc vẫn còn nhưng không còn phụ thuộc vào vấn đề giai cấp, không còn là một bộ phận của vấn đề giai cấp nữa.
- c. Vẫn còn các giai cấp, trong đó giai cấp vô sản là giai cấp thống trị xã hội

d. Đến giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa thì xã hội đã phát triển trên cơ sở của chính nó, nhưng vẫn còn pháp quyền tư sản.

29. Hệ thống xã hội chủ nghĩa được hình thành trong giai đoạn:

- a. Từ sau 1945 - đầu những năm 70
- b. Từ cuối những năm 70 - cuối những năm 80
- c. Từ 1917 – 1945**
- d. Từ trước 1945 - đầu những năm 80

30. Đặc điểm cơ bản nhất của nước ta khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là:

- a. Từ một nền sản xuất nhỏ là phổ biến quá độ lên chủ nghĩa xã hội không qua chế độ tư bản chủ nghĩa**
- b. Tồn tại nhiều phong tục, tập quán lạc hậu
- c. Nhân dân có truyền thống lao động cần cù, sáng tạo
- d. Các thế lực thù địch thường xuyên chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta

31. Những biểu hiện cơ bản của tư tưởng xã hội chủ nghĩa là:

- a. Là ước mơ, nguyện vọng về một xã hội ai cũng có việc làm, ai cũng có lao động.
- b. Là quan niệm về một chế độ xã hội mà tư liệu sản xuất đều thuộc về mọi thành viên của xã hội.
- c. Là những tư tưởng về một xã hội, trong đó mọi người đều bình đẳng, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc

d. Các phương án trên đều đúng

32. Thời đại ngày nay có những mâu thuẫn cơ bản:

- a. Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội
- b. Mâu thuẫn giữa tư bản và lao động
- c. Mâu thuẫn giữa các nước tư bản với các nước nghèo chậm phát triển mới giành được độc lập và Mâu thuẫn giữa các nước tư bản đế quốc với nhau

d. Các phương án trên đều đúng

33. Khi nói “Quá độ lên Chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa” là:

- A. Bỏ qua các yếu tố phát triển lực lượng sản xuất gắn với chủ nghĩa tư bản.
- B. Bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa.**
- C. Bỏ qua các yếu tố chính trị và văn hóa gắn với sự tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản.
- D. Cả ba phương án trên đều đúng.

34. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa là:

- a. Là hệ thống những quan niệm phản ánh nhu cầu, ước mơ của các giai cấp và tầng lớp lao động về một xã hội tốt đẹp.**
- b. Là những thành tựu trên các lĩnh vực mà loài người đã đạt được nhằm nâng cao đời sống con người.
- c. Là những tác phẩm văn học phản ánh đời sống hiện thực của những người lao động nghèo.
- d. Các phương án trên đều đúng

35. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thuộc tính nói lên đặc trưng chủ yếu nhất của giai cấp công nhân là:

- a. Là những người lao động trực tiếp hoặc gián tiếp vận hành các công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại và xã hội hóa cao**
- b. Là những người không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất
- c. Là những người bị bóc lột giá trị thặng dư
- d. Các phương án trên đều đúng

36. Các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước Mác có hạn chế cơ bản:

- a. Không chủ trương xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất
- b. Không chủ trương xóa bỏ chế độ người bóc lột người**
- c. Không phát hiện được lực lượng xã hội để sáng tạo ra xã hội mới
- d. Mong muốn thực hiện chế độ bình quân trong phân phối

37. Việc phát triển lực lượng sản xuất, tiến hành công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm xuyên suốt trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam hiện nay, vì:

- a. Đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp hiện đại.
- b. Nâng Việt Nam lên ngang tầm với các nước trên thế giới.
- c. Đoàn tuyệt với nền kinh tế tiểu nông lạc hậu.
- d. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho CNXH, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân**

38. “Với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ Xô Viết, và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”. Luận điểm trên được Lênin đưa ra vào thời kỳ:

- a. Trước cách mạng dân chủ tư sản Tháng Hai năm 1917**
- b. Trước cách mạng Tháng Mười Nga
- c. Sau cách mạng Tháng Mười Nga
- d. Các phương án trên đều sai

39. Nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu:

- a. Quan niệm và vận dụng không đúng đắn về chủ nghĩa xã hội

b. Những sai lầm của Đảng và của những người lãnh đạo cấp cao nhất Đảng cộng sản Liên Xô

c. Sự chống phá của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch bằng “diễn biến hòa bình”

d. Các phương án trên đều đúng

40. Thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là:

a. Là cuộc cải biến cách mạng về kinh tế

b. Là cuộc cải biến cách mạng về chính trị

c. Là cuộc cải biến cách mạng về tư tưởng và văn hóa

d. Các phương án trên đều đúng

41. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là bước quá độ:

a. Quá độ trực tiếp, từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

b. Quá độ gián tiếp, bỏ qua chế độ chủ nghĩa tư bản tiến lên chủ nghĩa xã hội

c. Quá độ gián tiếp, bỏ qua chế độ phong kiến tiến lên chủ nghĩa xã hội

d. Quá độ có qua trung gian

42. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước ta bắt đầu từ khi:

a. 1945

b. 1954

c. 1975

d. 1930

43. Quan điểm của Lênin về chủ chương, biện pháp lớn cần thực hiện trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của nước Nga nói riêng và các nước chậm phát triển nói chung.

Chọn đáp án sai.

a. Cần duy trì sự tồn tại nhiều thành phần kinh tế

b. Phải tiến hành cuộc cách mạng văn hoá

c. Cần duy trì sự tồn tại của kinh tế hàng hoá

d. Buộc nông dân vào làm ăn tập thể để tiến lên chủ nghĩa xã hội

44. Liên Xô và Đông Âu đã có thời gian từng được gọi là:

a. Pháo đài bất khả chiến bại

b. Chiếc cối xay thịt

c. Thành trì xã hội chủ nghĩa

d. Tất cả phương án trên

45. Sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu làm cho:

a. Tính chất và nội dung của thời đại ngày nay thay đổi

b. Tính chất và nội dung của thời đại ngày nay không thay đổi

c. Mâu thuẫn thời đại thay đổi

d. Xu hướng thời đại thay đổi

46. CNXH bắt đầu rơi vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng trong giai đoạn:

a. Từ 1917 đến 1945

b. Từ 1945 đến đầu những năm 70

c. Từ những năm 70 đến cuối những năm 80

d. Từ đầu những năm 90 đến nay

47. Mục tiêu giai đoạn thứ nhất của cách mạng XHCN là:

a. Giải phóng con người, giải phóng xã hội

b. Giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động

c. Xóa bỏ bóc lột đem lại đời sống ấm no cho nhân dân

d. Các phương án trên đều đúng

48. Trong những mâu thuẫn cơ bản của thời đại ngày nay, mâu thuẫn nổi bật, xuyên suốt, mang tính toàn cầu là:

a. Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản

- b. Mâu thuẫn giữa tư bản và lao động
 - c. Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc với chủ nghĩa đế quốc
 - d. Mâu thuẫn giữa các nước tư bản với nhau
- 49. Người đặt ra vấn đề sử dụng và học tập các kinh nghiệm của chủ nghĩa tư bản để cải tạo nền kinh tế tiểu nông, lạc hậu là:**
- a. C. Mác
 - b. Ph. Ăngghen
 - c. Lênin**
 - d. Stalin
- 50. Mâu thuẫn cơ bản nhất của thời đại ngày nay là mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội. Mâu thuẫn này xuất hiện từ thời điểm:**
- a. Sau khi học thuyết Mác ra đời (1848)
 - b. Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai (1945)
 - c. Từ sau cách mạng tháng Mười Nga (1917)**
 - d. Từ sau khi Liên Xô sụp đổ

BÀI 4:

DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

- 1. Phạm trù dân chủ xuất hiện từ khi:**
- a. Có xã hội loài người
 - b. Có nhà nước vô sản
 - c. Có nhà nước**
 - d. Có Đảng cộng sản
- 2. Đặc trưng cơ bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, khác các nền dân chủ đã có trong lịch sử:**
- a. Là nền dân chủ rộng rãi không có giới hạn
 - b. Là nền dân chủ của người lao động**
 - c. Là nền dân chủ của mọi giai cấp, tầng lớp xã hội
 - d. Là nền dân chủ không có tính giai cấp
- 3. Dân chủ với tư cách là một chế độ nhà nước thể hiện:**
- a. Quyền lực thuộc về giai cấp công nhân.
 - b. Quyền lực thuộc về giai nông dân
 - c. Quyền lực thuộc về giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức
 - d. Quyền lực thuộc về nhân dân.**
- 4. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có cơ sở kinh tế là:**
- a. Chế độ sở hữu hỗn hợp về tư liệu sản xuất.
 - b. Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất.
 - c. Chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu**
 - d. Chế độ quản lý và phân phối công bằng, hợp lý
- 5. Cơ sở ra đời của Nhà nước trong thực tế lịch sử là do:**
- a. Yêu cầu tổ chức, tập hợp lực lượng chống thiên tai, địch họa.
 - b. Yêu cầu tập hợp lực lượng đấu tranh bảo vệ tổ quốc.
 - c. Yêu cầu của đấu tranh giai cấp, là công cụ của giai cấp cầm quyền.**
 - d. Yêu cầu của quản lý xã hội, mở rộng hợp tác quốc tế.
- 6. Kiểu nhà nước đầu tiên trong lịch sử:**
- a. Nhà nước phong kiến
 - b. Nhà nước chủ nô**

- c. Nhà nước tư sản
- d. Nhà nước vô sản

7. Nhà nước ra đời là do :

- a. Cuộc đấu tranh giai cấp không điều hòa
- b. Nhu cầu của việc chống giặc ngoại xâm
- c. Nhu cầu của việc phát triển trồng trọt và chăn nuôi
- d. Các phương án trên đều đúng

8. Kiểu nhà nước được V.I.Lênin gọi là nhà nước "nửa nhà nước" là:

- a. Nhà nước chủ nô
- b. Nhà nước phong kiến
- c. Nhà nước tư sản

d. Nhà nước xã hội chủ nghĩa

9. Đến một giai đoạn mà xã hội không còn giai cấp, không còn đấu tranh giai cấp thì:

- a. Nhà nước vẫn còn tồn tại
- b. Nhà nước tự tiêu vong
- c. Nhà nước phát triển
- d. Nhà nước phồn thịnh

10. Nhà nước là :

- a. Tổ chức chính trị của giai cấp thống trị về kinh tế nhằm bảo vệ trật tự hiện hành và đàn áp sự phản kháng của các giai cấp khác
- b. Tổ chức chính trị đứng trên các giai cấp nhằm bảo vệ tất cả các giai cấp
- c. Tổ chức chính trị của giai cấp thống trị về kinh tế nhằm bảo vệ trật tự hiện hành và bảo vệ lợi ích của tất cả các giai cấp khác
- d. Các phương án trên đều sai

11. Chức năng cơ bản của nhà nước xã hội chủ nghĩa là :

- a. Bảo lực trấn áp kẻ thù và tổ chức, xây dựng xã hội mới về mọi mặt.
- b. Giành chính quyền và xây dựng lực lượng cách mạng.
- c. Tập hợp quần chúng nhân dân làm cách mạng và củng cố quyền lực chính trị.
- d. Phát triển kinh tế và mở rộng quan hệ đối ngoại.

12. Đến một giai đoạn mà xã hội không còn giai cấp, không còn đấu tranh giai cấp thì:

- a. Nhà nước vẫn còn tồn tại
- b. Nhà nước tự tiêu vong
- c. Nhà nước phát triển
- d. Nhà nước phồn thịnh

13. Nhà nước là :

- a. Tổ chức chính trị của giai cấp thống trị về kinh tế nhằm bảo vệ trật tự hiện hành và đàn áp sự phản kháng của các giai cấp khác
- b. Tổ chức chính trị đứng trên các giai cấp nhằm bảo vệ tất cả các giai cấp
- c. Tổ chức chính trị của giai cấp thống trị về kinh tế nhằm bảo vệ trật tự hiện hành và bảo vệ lợi ích của tất cả các giai cấp khác
- d. Các phương án trên đều sai

14. Tư tưởng dân chủ xuất hiện khi

- a. Ngay từ khi có xã hội loài người
- b. Khi có nhà nước vô sản
- c. Khi có nhà nước
- d. Cả a, b và c

15. Loài người đã trải qua các hình thức cộng đồng từ thấp đến cao:

- a. Thị tộc, bộ lạc, bộ tộc và dân tộc
- b. Thị tộc, bộ tộc, bộ lạc và dân tộc

- c. Bộ tộc, thị tộc, bộ lạc và dân tộc
- d. Thị tộc, bộ tộc, dân tộc và bộ lạc

16. So với các nền dân chủ trước đây, dân chủ XHCN có điểm khác biệt:

- a. Không còn mang tính giai cấp
- b. Là nền dân chủ phi lịch sử.
- c. Là nền dân chủ thuần túy.
- d. Là nền dân chủ rộng rãi cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động

17. Chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa là chế độ:

- a. Cho tuyệt đại đa số nhân dân lao động
- b. Của giai cấp tư sản.
- c. Của giai cấp công nhân
- d. Của tiểu tư sản

18. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: “ Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ, nhân dân có quyền lợi, thì phải có làm tròn bốn phận công dân” (HCM)

- a. Trách nhiệm
- b. Trình độ đề
- c. Nghĩa vụ
- d. khả năng đề

19. Chức năng cơ bản của nhà nước là:

- a. Chức năng kinh tế
- b. Chức năng văn hoá và tư tưởng
- c. Chức năng đối nội, chức năng đối ngoại
- d. Chức năng chính trị

20. Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền mang bản chất:

- a. Giai cấp nông dân, tính nhân dân và tính dân tộc
- b. Giai cấp tư sản, tính nhân dân và tính dân tộc
- c. Giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc
- d. Tính nhân dân rộng rãi

21. Bản chất chính trị của nền dân chủ XHCN thể hiện:

- a. Là sự lãnh đạo của giai cấp CN thông qua Đảng của nó đối với toàn XH, để thực hiện quyền lực và lợi ích của toàn thể NDLD, trong đó có giai cấp CN.
- b. Là thực hiện quyền lực của giai cấp CN và nhân dân lao động đối với toàn XH.
- c. Là sự lãnh đạo của giai cấp CN thông qua chính đảng của nó để cải tạo XH cũ và xây dựng XH mới.
- d. Cả a,b,c

22. Sự khác biệt cơ bản của nền dân chủ XHCN với các nền dân chủ của các XH có phân chia giai cấp trong lịch sử nhân loại:

- a. Nền dân chủ XHCN là nền dân chủ của số đông, của tất cả quần chúng nhân dân lao động trong XH.
- b. Nền dân chủ XHCN là nền dân chủ có tổ chức đảng cộng sản lãnh đạo.
- c. Nền dân chủ XHCN là nền dân chủ được thực thi bằng luật pháp nhân dân.
- d. Nền dân chủ XHCN là nền dân chủ phi giai cấp.

23. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở nước ta hiện nay cần:

- a. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng
- b. Dân chủ hoá tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước
- c. Xây dựng hệ thống pháp luật hoàn chỉnh

d. Các phương án trên đều đúng

24. Đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay là:

a. Đổi mới mục tiêu, con đường XHCN

b. Đổi mới nội dung, phương hướng hoạt động, tổ chức cán bộ và quan hệ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị.

c. Thay đổi hệ thống tư duy lý luận.

d. Bao gồm ba đáp án trên

25. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa cần phải kế thừa yếu tố nào của chủ nghĩa tư bản:

a. Những thành tựu khoa học – công nghệ.

b. Khoa học quản lý...buôn bán, hạch toán kinh tế, kinh doanh của chủ nghĩa tư bản

c. Thị trường, vốn...

d. Các phương án trên đều đúng

26. Điền từ vào chỗ trống: Nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa có bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi và tínhsâu sắc

a. Giai cấp

b. Nhân đạo

c. Dân tộc

d. Cộng đồng

27. Tổ chức đóng vai trò trụ cột trong hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay:

a. Đảng CS Việt Nam

b. Mặt trận tổ quốc

c. Nhà nước XHCN

d. Các đoàn thể nhân dân

28. So với các nền dân chủ trước đây, dân chủ xã hội chủ nghĩa có điểm khác biệt cơ bản nào?

a. Không còn mang tính giai cấp

b. Là nền dân chủ phi lịch sử

c. Là nền dân chủ tuyệt đối

d. Là nền dân chủ rộng rãi cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động

29. Bản chất chính trị của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa thể hiện như thế nào?

a. Là sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua đảng của nó đối với toàn xã hội, để thực hiện quyền lực và lợi ích của toàn thể nhân dân lao động, trong đó có giai cấp công nhân.

b. Là thực hiện quyền lực của giai cấp công nhân và nhân dân lao động đối với toàn xã hội.

c. Là sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua chính đảng của nó để cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới.

d. Các phương án trên đều đúng

30. Theo Đảng ta cấu trúc cơ bản của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa bao gồm:

a. Đảng cộng sản, nhà nước.

b. Đảng cộng sản Việt Nam, nhà nước xã hội chủ nghĩa, các tổ chức xã hội chính trị.

c. Đảng cộng sản, nhà nước, hệ thống pháp luật

d. Cả ba đều đúng

31. Đặc trưng cơ bản của nhà nước xã hội chủ nghĩa?

a. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là công cụ cơ bản để thực hiện quyền lực của nhân dân lao động, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.

b. Nhà nước xã hội chủ nghĩa vì lợi ích của giai cấp công nhân, trấn áp kẻ chống đối, phá hoại Đảng cộng sản

c. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là kiểu nhà nước nguyên nghĩa

d. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước lôi cuốn giai cấp công nhân lãnh đạo, quản lý xã hội

32. Trong quá trình đổi mới và thực thi dân chủ của nước ta hiện nay, nhiệm vụ được xem là khó khăn, phức tạp, nhạy cảm nhất hiện nay là:

a. Xóa đói giảm nghèo

b. Cải cách giáo dục.

c. Chống tham nhũng

d. Trật tự an toàn giao thông.

33. Bản chất của nhà nước XHCN là:

a. Mang bản chất của giai cấp CN.

b. Mang bản chất của đa số NDLD.

c. Mang bản chất của giai cấp CN, tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc.

d. Vừa mang bản chất của giai cấp CN, vừa mang bản chất của NDLD và tính dân tộc sâu sắc.

34. Nhà nước pháp quyền XHCN quản lý mọi mặt của đời sống XH chủ yếu bằng:

a. Đường lối, chính sách

b. Tuyên truyền, giáo dục.

c. Hiến pháp, pháp luật

d. bao gồm a.b.c

35. Bản chất kinh tế của nền dân chủ XHCN dựa trên cơ sở nào:

a. Chế độ chính trị của giai cấp công nhân.

b. Cơ chế quản lý nền kinh tế XHCN.

c. Chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu.

d. Bản chất chính trị XHCN.

36. Đến một giai đoạn mà xã hội không còn giai cấp, không còn đấu tranh giai cấp thì:

a. Nhà nước vẫn còn tồn tại

b. Nhà nước tự tiêu vong

c. Nhà nước phát triển

d. Nhà nước phồn thịnh

37. Nhà nước là:

a. Tổ chức chính trị của giai cấp thống trị về kinh tế nhằm bảo vệ trật tự hiện hành và đàn áp sự phản kháng của các giai cấp khác

b. Tổ chức chính trị đứng trên các giai cấp nhằm bảo vệ tất cả các giai cấp

c. Tổ chức chính trị của giai cấp thống trị về kinh tế nhằm bảo vệ trật tự hiện hành và bảo vệ lợi ích của tất cả các giai cấp khác

d. Các phương án trên đều sai

38. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở nước ta hiện nay cần:

a. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng

b. Dân chủ hoá tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước

c. Xây dựng hệ thống pháp luật hoàn chỉnh

d. Các phương án trên đều đúng

39. Đặc trưng cơ bản của nhà nước xã hội chủ nghĩa:

a. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là công cụ cơ bản để thực hiện quyền lực của nhân dân lao động, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.

b. Nhà nước xã hội chủ nghĩa vì lợi ích của giai cấp công nhân, trấn áp kẻ chống đối, phá hoại Đảng cộng sản

c. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là kiểu nhà nước nguyên nghĩa

d. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước lôi cuốn giai cấp công nhân lãnh đạo, quản lý xã hội

40. Sự ra đời của chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa được thiết lập cho:

a. Giai cấp tư sản

b. Giai cấp công nhân

c. Giai cấp công nhân và đa số nhân dân lao động

d. Giai cấp tiểu tư sản

41. Chức năng cơ bản của nhà nước là:

a. Chức năng kinh tế

b. Chức năng văn hoá và tư tưởng

c. Chức năng đối nội, chức năng đối ngoại

d. Chức năng chính trị

42. Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền mang bản chất:

a. Giai cấp nông dân, tính nhân dân và tính dân tộc

b. Giai cấp tư sản, tính nhân dân và tính dân tộc

c. Giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc

d. Tính nhân dân rộng rãi

43. Bản chất chính trị của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa thể hiện:

a. Là sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua đảng của nó đối với toàn xã hội, để thực hiện quyền lực và lợi ích của toàn thể nhân dân lao động, trong đó có giai cấp công nhân.

b. Là thực hiện quyền lực của giai cấp công nhân và nhân dân lao động đối với toàn xã hội.

c. Là sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua chính đảng của nó để cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới.

d. Các phương án trên đều đúng

44. Sự ra đời của chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa được thiết lập cho:

a. Giai cấp tư sản

b. Giai cấp công nhân

c. Giai cấp công nhân và đa số nhân dân lao động

d. Giai cấp tiểu tư sản

BÀI 5

CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Cơ cấu xã hội là:

a. Những cộng đồng người cùng toàn bộ những mối quan hệ xã hội do tác động lẫn nhau của các cộng đồng ấy tạo nên.

b. Tầng lớp trong một chế độ xã hội nhất định.

c. Những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản lý quá trình sản xuất.

d. Hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định.

2. Cơ cấu xã hội - giai cấp là:

a. Những cộng đồng người cùng toàn bộ những mối quan hệ xã hội do tác động lẫn nhau của các cộng đồng ấy tạo nên.

b. Hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định.

c. Hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định, thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản lý quá trình sản xuất, về địa vị chính trị - xã hội... giữa các giai cấp và tầng lớp đó.

d. Cả a,b và c.

3. Cơ cấu xã hội của xã hội tư bản chủ nghĩa được đặc trưng bởi 2 giai cấp cơ bản đối lập nhau về lợi ích là:

a. Giai cấp tư sản và giai cấp nông dân.

b. Giai cấp tư sản tầng lớp trí thức.

c. **Giai cấp tư sản và giai cấp vô sản**

d. Giai cấp vô sản và chủ nô

4. Chủ nghĩa Mác - Lênin là vũ khí tư tưởng để nhận thức và cải tạo thế giới của giai cấp:

a. Giai cấp tư sản

b. Giai cấp nông dân

c. **Giai cấp công nhân**

d. Giai cấp tiểu thương

5. Cơ cấu xã hội của xã hội tư bản chủ nghĩa được đặc trưng bởi hai giai cấp cơ bản đối lập nhau về lợi ích là:

a. Giai cấp tư sản và giai cấp nông dân.

b. Giai cấp tư sản tầng lớp trí thức.

c. **Giai cấp tư sản và giai cấp vô sản**

d. Giai cấp vô sản và chủ nô

6. Trí thức là một bộ phận xã hội đặc biệt quan trọng, họ tồn tại với tư cách là:

a. Giai cấp

b. **Tầng lớp**

c. Cộng đồng xã hội

d. Nhóm

7. Cơ cấu xã hội có vai trò quan trọng nhất là:

a. Cơ cấu xã hội - nghề nghiệp

b. Cơ cấu xã hội - dân tộc

c. Cơ cấu xã hội - dân cư

d. **Cơ cấu xã hội - giai cấp**

8. Để phát huy nguồn lực con người ở Việt Nam hiện nay cần phải thực hiện những phương hướng:

a. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế đất nước

b. Xây dựng và từng bước hoàn chỉnh một hệ thống chính sách xã hội phù hợp.

c. Từng bước xây dựng và không ngừng hoàn thiện cơ chế quản lý của chế độ xã hội chủ nghĩa

d. **Các phương án trên đều đúng**

9. Trong quá trình xây dựng CNXH, liên minh giữa giai cấp CN, giai cấp ND và tầng lớp trí thức giữ vai trò quyết định trong lĩnh vực:

a. Chính trị

b. Văn hoá

c. **Kinh tế**

d. Tư tưởng.

10. Yếu tố nào có tác động trực tiếp để phát huy nguồn lực con người?

a. **Phát triển kinh tế - xã hội**

b. Giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin

c. Giáo dục về đạo đức, lối sống

d. Giải quyết việc làm

11. Yếu tố quyết định sự liên minh giữa giai cấp CN, giai cấp ND và tầng lớp trí thức

a. Do giai cấp CN mong muốn

b. Do cùng một kẻ thù là giai cấp TS

c. Do có những lợi ích cơ bản thống nhất với nhau

d. Do mục đích về chính trị của giai cấp CN

12. Phân phối theo lao động là hình thức phân phối cơ bản của xã hội nào?

a. Xã hội tư bản chủ nghĩa

b. Xã hội xã hội chủ nghĩa

c. Xã hội cộng sản chủ nghĩa

d. Các phương án trên đều đúng

13. Xu hướng phát triển cơ cấu XH - giai cấp ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ mang tính đa dạng và thống nhất chủ yếu:

a. Do trình phát triển không đồng đều

b. Do nền kinh tế nhiều thành phần

c. Do sự mong muốn của giai cấp CN

d. Cả a, b và c

14. Phân phối theo lao động là hình thức phân phối cơ bản của xã hội:

a. Xã hội tư bản chủ nghĩa

b. Xã hội xã hội chủ nghĩa

c. Xã hội cộng sản chủ nghĩa

d. Các phương án trên đều sai

15. Trong cách mạng XHCN lập trường chính trị của liên minh công, nông, trí thức được xác định bởi lập trường chính trị của giai cấp:

a. Giai cấp công nhân.

b. Giai cấp nông dân.

c. Tầng lớp trí thức.

d. Của cả ba giai cấp trên.

16. Trong cơ cấu giai cấp - xã hội ở nước ta hiện nay có :

a. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp tư sản

b. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, tầng lớp tư sản, tiểu tư sản và các tầng lớp nhân dân lao động khác

c. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.

d. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và tầng lữ.

17. Để thực hiện liên minh công, nông, trí thức trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam, chúng ta cần phải:

a. Tổ chức tuyên truyền giác ngộ sự đoàn kết của XH.

b. Xác định cụ thể và công bằng lợi ích kinh tế của từng giai cấp để làm cơ sở gắn kết.

c. Xây dựng từng bước nền dân chủ XHCN, nhà nước dùng những cơ chế chính sách để liên minh thực hiện.

d. Tất cả a, b, c đúng

18. Trong các cơ cấu hợp thành cơ cấu xã hội thì cơ cấu nào giữ vai trò quyết định trong việc hình thành các quan hệ xã hội.

a. Cơ cấu đảng phái

b. Cơ cấu nghề nghiệp

c. Cơ cấu giai cấp

d. Cơ cấu tôn giáo

19. Nội dung kinh tế của liên minh công, nông, trí thức trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam hiện nay:

- a. Xác định cơ cấu kinh tế hợp lý
- b. Phát triển nhiều hình thức hợp tác, giao lưu, liên kết...trong các khâu của quá trình sản xuất giữa các thành viên trong liên minh.
- c. Từng bước hình thành quan hệ sản xuất XHCN trong quá trình thực hiện liên minh. Đồng thời tăng cường sự quản lý nhà nước đối với việc thực hiện liên minh.

d. Cả ba đáp án trên.

20. Sự biến đổi về cơ cấu xã hội – giai cấp gắn liền và qui định bởi sự biến động của cơ cấu:

- a. Cơ cấu xã hội – dân số
- b. Cơ cấu xã hội – dân cư
- c. Cơ cấu xã hội – kinh tế**
- d. Cơ cấu xã hội – dân tộc

21. Liên minh giai cấp trong cách mạng XHCN:

- a. Được thực hiện trước và sau khi giành chính quyền.
- b. Là liên minh trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa tư tưởng.
- c. Được thực hiện trên cơ sở thống nhất các lợi ích căn bản của các giai cấp.

d. Bao gồm ba đáp án a, b, c.

22. Trí thức được quan niệm là:

- a. Một giai cấp
- b. Một tầng lớp**
- c. Cá nhân
- d. Cả a, b đều đúng

23. Nội dung của quá trình đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước ở Việt Nam hiện nay:

- a. Nâng cao chất lượng đào tạo, đào tạo lại cán bộ công chức theo yêu cầu mới của cải cách nhà nước.
- b. Đổi mới việc quản lý cán bộ công chức; sử dụng, đãi ngộ cán bộ, công chức.
- c. Tăng thêm quyền lực cho cán bộ công chức để giúp họ có quyền tự quyết trong việc giải quyết các vấn đề của cuộc sống.

d. Gồm đáp a và b.

24. Điền từ còn thiếu: “Các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, còn.....lại là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp”.

- a. Giai cấp địa chủ
- b. Giai cấp vô sản**
- c. Giai cấp tư sản
- d. Giai cấp tiểu tư sản

25. Sự biến đổi về cơ cấu xã hội – giai cấp gắn liền và qui định bởi sự biến động của cơ cấu:

- a. Cơ cấu xã hội – dân số
- b. Cơ cấu xã hội – dân cư
- c. Cơ cấu xã hội – kinh tế**
- d. Cơ cấu xã hội – dân tộc

26. Trong cơ cấu giai cấp - xã hội ở nước ta hiện nay có:

- a. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp tư sản
- b. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, tầng lớp tư sản, tiểu tư sản và các tầng lớp nhân dân lao động khác**
- c. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.
- d. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và tầng lữ.

27. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, mâu thuẫn về lợi ích giữa những người lao động làm thuê với tầng lớp tư sản là :

- a. Mâu thuẫn đối kháng
- b. Mâu thuẫn không đối kháng**
- c. Mâu thuẫn không cơ bản
- d. Mâu thuẫn thứ yếu

BÀI 6

VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Dân tộc được hiểu theo hai nghĩa:

- a. Dân tộc là cộng đồng chính trị và dân tộc là quốc gia dân tộc.
- b. Dân tộc là quốc gia dân tộc và dân tộc là tộc người.**
- c. Dân tộc là tộc người, được hình thành lâu dài trong lịch sử và dân tộc: Tày, Thái, Mường,...
- d. Dân tộc là quốc gia dân tộc và dân tộc: Anh, Pháp, Ấn Độ,...

2. Trong một quốc gia có nhiều dân tộc như nước ta thì việc giải quyết các vấn đề có ý nghĩa cơ bản để các dân tộc thực sự bình đẳng:

- a. Ưu tiên giúp đỡ tư liệu sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số
- b. Kiên quyết chống biểu hiện kỳ thị dân tộc**
- c. Nâng cao trình độ văn hóa cho đồng bào dân tộc thiểu số
- d. Xóa bỏ dần sự chênh lệch về mọi mặt giữa các dân tộc do lịch sử để lại.

3. Xu hướng thứ nhất của sự phát triển dân tộc là:

- a. Xu hướng phát triển nền văn hóa và tâm lý riêng của mỗi dân tộc
- b. Xu hướng tách ra để hình thành các cộng đồng dân tộc độc lập**
- c. Xu hướng các dân tộc mong muốn xích lại gần nhau để cùng phát triển
- d. Các phương án trên đều sai

4. Trong các nội dung của quyền dân tộc tự quyết thì quyền nào được coi là cơ bản nhất:

- a. Tự quyết về kinh tế
- b. Tự quyết về chính trị**
- c. Tự quyết về văn hóa
- d. Tự quyết về lãnh thổ

5. Nguyên tắc cơ bản trong giải quyết vấn đề dân tộc là:

- a. Các dân tộc đoàn kết; Các dân tộc được quyền tự trị; Các dân tộc có quyền bình đẳng
- b. Các dân tộc ngang nhau về quyền và nghĩa vụ; Các dân tộc không bị kỳ thị; Các dân tộc bình đẳng trước pháp luật
- c. Các dân tộc liên minh cách mạng; Các dân tộc được tự do mưu cầu hạnh phúc; Các dân tộc đoàn kết giúp nhau cùng tiến bộ
- d. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng; Các dân tộc được quyền tự quyết; Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc**

6. Khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng người ổn định được hình thành trong lịch sử trong một lãnh thổ nhất định, có chung mối liên hệ về kinh tế, ngôn ngữ và một nền văn hóa:

- a. Bộ lạc
- b. Quốc gia
- c. Dân tộc**
- d. Bộ tộc

7. Quan hệ giữa lợi ích dân tộc với lợi ích của giai cấp công nhân dưới chủ nghĩa xã hội:

- a. Là mâu thuẫn
- b. Là thống nhất
- c. Là thống nhất về căn bản
- d. Đồng nhất với nhau

8. Trong một quốc gia đa dân tộc thì vấn đề được coi là có ý nghĩa cơ bản nhất để thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc:

- a. Ban hành hệ thống hiến pháp và pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc.
- b. Chống tư tưởng phân biệt chủng tộc, kì thị chia rẽ dân tộc.
- c. Nâng cao trình độ dân trí, văn hoá cho đồng bào
- d. Xoa bỏ dần sự chênh lệch về mọi mặt giữa các dân tộc do lịch sử để lại

9. Đặc trưng nổi bật trong quan hệ giữa các dân tộc ở nước ta là:

- a. Là sự phân bố đan xen nhau, không một dân tộc nào có lãnh thổ riêng.
- b. Là sự đoàn kết dân tộc, hoà hợp dân tộc trong một cộng đồng thống nhất.
- c. Là có sự chênh lệch về trình độ phát triển KT-XH giữa các dân tộc.
- d. Là các dân tộc có bản sắc văn hoá riêng, đa dạng, phong phú.

10. Cơ sở tồn tại của tôn giáo là:

- a. Nhận thức của con người đối với thế giới khách quan còn hạn chế
- b. Niềm tin của con người
- c. Sự tưởng tượng của con người
- d. Tồn tại xã hội

11. Tôn giáo hình thành là do:

- a. Sự yếu kém của trình độ phát triển lực lượng sản xuất, sự bần cùng về kinh tế, áp bức về chính trị, bất lực trước những bất công xã hội
- b. Nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và bản thân mình còn hạn chế
- c. Sự sợ hãi của con người trước những sức mạnh của tự nhiên và xã hội tạo cho con người một “tâm thế khuất phục”
- d. Các phương án trên đều đúng

12. Chủ nghĩa Mác – Lênin và hệ tư tưởng tôn giáo khác nhau ở điểm:

- a. Khác nhau về thế giới quan
- b. Khác nhau về nhân sinh quan
- c. Khác nhau ở con đường mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân
- d. Các phương án trên đều đúng

13. Cơ sở tồn tại của tôn giáo là:

- a. Nhận thức của con người đối với thế giới khách quan còn hạn chế
- b. Niềm tin của con người
- c. Sự tưởng tượng của con người
- d. Tồn tại xã hội

14. Chức năng chính của tôn giáo là:

- a. Đền bù một cách hư ảo những cái con người còn thiếu trong hiện thực
- b. Hướng con người đến cuộc sống tốt đẹp hơn
- c. Giáo dục đạo đức chân chính cho con người
- d. Giải phóng con người khỏi nỗi đau trong hiện thực

15. Chủ trương của Đảng ta đối với hoạt động tôn giáo:

- a. Cấm mọi hình thức sinh hoạt tôn giáo
- b. Phân biệt giữa người có tín ngưỡng và không có tín ngưỡng
- c. Nhanh chóng thủ tiêu tôn giáo
- d. Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng

16. Chủ nghĩa Mác – Lênin và hệ tư tưởng tôn giáo khác nhau ở điểm:

- a. Khác nhau về thế giới quan
- b. Khác nhau về nhân sinh quan
- c. Khác nhau ở con đường mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân
- d. Các phương án trên đều đúng**

17. Tôn giáo là phạm trù lịch sử:

- a. Vì tôn giáo ra đời phát triển cùng với con người
- b. Vì tôn giáo chỉ ra đời, tồn tại trong một giai đoạn nhất định của lịch sử loài người**
- c. Vì tôn giáo xuất hiện rất sớm và nó ngày càng phát triển cùng với sự phát triển của loài người
- d. Vì tôn giáo phản ánh khát vọng của con người

18. Chức năng chính của tôn giáo là:

- a. Đền bù một cách hư ảo những cái con người còn thiếu trong hiện thực**
- b. Hướng con người đến cuộc sống tốt đẹp hơn
- c. Giáo dục đạo đức chân chính cho con người
- d. Giải phóng con người khỏi nỗi đau trong hiện thực

19. Chủ trương của Đảng ta đối với hoạt động tôn giáo:

- a. Cấm mọi hình thức sinh hoạt tôn giáo
- b. Phân biệt giữa người có tín ngưỡng và không có tín ngưỡng
- c. Nhanh chóng thủ tiêu tôn giáo
- d. Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng**

20. Tôn giáo mang tính chính trị:

- a. Do sự kém hiểu biết của con người
- b. Vì tôn giáo hướng con người đến thế giới không có thực
- c. Vì tôn giáo có vai trò tích cực về mặt đạo đức
- d. Vì các giai cấp bóc lột thống trị thường lợi dụng tôn giáo để phục vụ lợi ích của mình**

21. Những hình thức thể hiện sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa các dân tộc

- a. Chiến tranh
- b. Trao đổi hàng hoá
- c. Trao đổi văn hoá, khoa học
- d. Các phương án trên đều đúng**

22. Xóa bỏ mặt chính trị của tôn giáo:

- a. Là xoá bỏ mặt hư ảo của tôn giáo
- b. Là xoá bỏ sự tồn tại của các tôn giáo
- c. Là xoá bỏ kẻ lợi dụng tôn giáo**
- d. Là xoá bỏ mọi quan hệ quốc tế của tôn giáo

23. Phải có quan điểm lịch sử khi giải quyết vấn đề tôn giáo:

- a. Vì ở mỗi thời kỳ lịch sử khác nhau, vai trò, tác động của từng tôn giáo với đời sống xã hội không giống nhau**
- b. Vì sự ra đời của tôn giáo không giống nhau
- c. Vì tôn giáo tồn tại ở nhiều nước khác nhau
- d. Vì sự hình thành và phát triển của tôn giáo gắn liền với sự hình thành, phát triển của loài người

24. Sự tồn tại tôn giáo trong chủ nghĩa xã hội là bởi các nguyên nhân về:

- a. Nhận thức; kinh tế; tâm lý; chính trị-xã hội; văn hóa**
- b. Tập quán; mê tín dị đoan; kinh tế; văn hóa; giao lưu quốc tế
- c. Dân trí; truyền thống; tư tưởng; lợi ích; thói quen
- d. Chính trị - xã hội; nghèo khổ; tập tục; lễ giáo

25. Trong một quốc gia có nhiều dân tộc như nước ta thì việc giải quyết các vấn đề được coi là có ý nghĩa cơ bản để các dân tộc thực sự bình đẳng:

a. Ưu tiên giúp đỡ tư liệu sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số

b. Kiên quyết chống biểu hiện kỳ thị dân tộc

c. Nâng cao trình độ văn hóa cho đồng bào dân tộc thiểu số

d. Xóa bỏ dần sự chênh lệch về mọi mặt giữa các dân tộc do lịch sử để lại.

26. Để tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc ở nước ta hiện nay thì chính sách cụ thể được coi là vấn đề cực kỳ quan trọng:

a. Tăng cường bồi dưỡng, đào tạo cán bộ dân tộc ít người

b. Phát huy truyền thống đoàn kết

c. Tôn trọng lợi ích, truyền thống, văn hóa, ngôn ngữ, phong tục tập quán của các dân tộc

d. Phát triển kinh tế hàng hóa ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số

27. Câu nói “Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân” là của:

a. Hêghen

b. Phobách

c. C. Mác

d. Lênin

28. Sự khác nhau cơ bản giữa cộng đồng dân tộc và cộng đồng bộ tộc là ở điểm:

a. Khác nhau ở nơi cư trú

b. Khác nhau về văn hóa, tâm lý

c. Khác nhau ở mối quan hệ gắn bó về kinh tế giữa các thành viên

d. Khác nhau ở tiếng nói và phong tục, tập quán, tín ngưỡng

29. CNXH nghiên cứu vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo dưới góc độ:

a. Góc độ chính trị - XH

c. Tâm linh - XH

b. Hình thái ý thức XH

d. Cả a, b và c

30. Xu hướng thứ nhất của sự phát triển dân tộc là:

a. Xu hướng phát triển nền văn hóa và tâm lý riêng của mỗi dân tộc

b. Xu hướng tách ra để hình thành các cộng đồng dân tộc độc lập

c. Xu hướng các dân tộc mong muốn xích lại gần nhau để cùng phát triển

d. Các phương án trên đều sai

31. Đặc trưng chủ yếu của ý thức Tôn giáo:

a. Sự phản kháng đối với bất công xã hội.

b. Niềm tin vào sự tồn tại của các đấng siêu nhiên thần thánh.

c. Khát vọng được giải thoát.

d. Phản ánh không đúng hiện thực khách quan

32. Một trong những khuynh hướng tích cực của hoạt động tôn giáo ở nước ta hiện nay:

a. Truyền bá chủ trương chính sách của đảng và nhà nước ta.

b. Tốt đời đẹp đạo

c. Tổ chức các nghi lễ tôn giáo rất hoành tráng

d. Cả ba đáp án trên đều đúng

33. Sự khác nhau cơ bản giữa cộng đồng dân tộc và cộng đồng bộ tộc là ở:

a. Khác nhau ở nơi cư trú

b. Khác nhau về văn hóa, tâm lý

c. Khác nhau ở mối quan hệ gắn bó về kinh tế giữa các thành viên

d. Khác nhau ở tiếng nói và phong tục, tập quán, tín ngưỡng

34. Tôn giáo chỉ có ở Việt Nam:

- a. Phật giáo
- b. Cao đài
- c. Hindu
- d. Thiên chúa giáo

35. Nguyên tắc cơ bản trong giải quyết vấn đề dân tộc là:

- a. Các dân tộc đoàn kết; Các dân tộc được quyền tự trị; Các dân tộc có quyền bình đẳng.
- b. Các dân tộc ngang nhau về quyền và nghĩa vụ; Các dân tộc không bị kỳ thị; Các dân tộc bình đẳng trước pháp luật.
- c. Các dân tộc liên minh cách mạng; Các dân tộc được tự do mưu cầu hạnh phúc; Các dân tộc đoàn kết giúp nhau cùng tiến bộ.
- d. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng; Các dân tộc được quyền tự quyết; Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc.

BÀI 7

VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Điều kiện và tiền đề kinh tế - xã hội để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:

- a. Là việc hoàn thiện các chính sách văn hóa – xã hội
- b. Là việc phát triển giáo dục, đào tạo
- c. Là việc phát triển khoa học – công nghệ hiện đại
- d. Là việc thủ tiêu chế độ người bóc lột người

2. Gia đình là:

- a. Là một trong những hình thức tổ chức cơ bản trong đời sống cộng đồng của con người;
- b. Một thiết chế văn hóa-xã hội đặc thù;
- c. Được hình thành, tồn tại và phát triển trên quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng và giáo dục ... giữa các thành viên.

d. Bao gồm a, b, c.

3. Hôn nhân tiến bộ dựa trên cơ sở:

- a. Tình yêu
- b. Hôn nhân 1 vợ 1 chồng
- c. Tự nguyện

d. Cả a, b và c

4. Điều kiện và tiền đề kinh tế - xã hội để xây dựng gia đình trong CNXH là:

- a. Xóa bỏ chế tư hữu, xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.
- b. Phát triển kinh tế - XH
- c. Nhà nước XHCN ban hành và thực hiện luật hôn nhân và nâng cao trình độ văn hóa và dân trí cho mọi người dân

d. Cả a, b và c

5. Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ là hôn nhân được xây dựng chủ yếu dựa trên cơ sở:

- a. Quyền tự do kết hôn và ly hôn
- b. Tình yêu chân chính
- c. Tình cảm nam nữ
- d. Kinh tế XHCN

6. Để thực hiện các quan hệ cơ bản nhất trong gia đình mới XHCN ở Việt Nam cần phải tuân thủ nguyên tắc:

- a. Đạo lý làm người.
- b. Cùng có lợi.
- c. Thỏa mãn những nhu cầu tâm sinh lý.
- d. **Bình đẳng, thương yêu và chia sẻ.**

7. Là một trong những khuynh hướng tiêu cực trong quan hệ tình yêu trong lứa tuổi thanh niên ở nước ta hiện nay

- a. Ly hôn
- b. **Sống thử**
- c. Bạo hành gia đình
- d. Đa thê

8. Chức năng cơ bản của gia đình:

- a. Chức năng tái sản xuất ra con người, nuôi dưỡng giáo dục;
- b. Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng;
- c. Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình.

d. **Cả a,b và c.**

9. Vị trí của gia đình trong xã hội:

- a. Gia đình là tế bào của xã hội;
- b. Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên;
- c. Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội.

d. **Cả a,b và c.**

10. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội:

- a. Biến đổi quy mô, kết cấu và các chức năng của gia đình
- b. Biến đổi chức năng kinh tế, tổ chức tiêu dùng và Biến đổi quan hệ giữa giá trị chuẩn mực văn hóa của gia đình.;
- c. Biến đổi chức năng giáo dục và chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm, sinh lý, duy trì tình cảm;

d. **Cả a,b và c.**

11. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội:

- a. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng nâng cao nhận thức của xã hội về xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam.
- b. Đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống vật chất, kinh tế, hộ gia đình.
- c. Kế thừa, những giá trị của gia đình truyền thống và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa.

d. **Cả a,b và c.**

